

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CAO HỌC QUỐC TẾ NORHED- MARINE ECOSYSTEM MANAGEMENT AND CLIMATE CHANGE

1. Thông tin chung về chương trình:

Tên chương trình:	Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu. Marine Ecosystem Management and Climate Change.
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ.
Định hướng đào tạo:	Nghiên cứu.
Khối lượng kiến thức:	60 tín chỉ.
Thời gian đào tạo:	2 năm, toàn thời gian.
Khoa/Viện đào tạo:	Kinh tế.

2. Mục tiêu đào tạo:

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản lý hệ sinh thái biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu nhằm các mục tiêu chung như sau:

- Đào tạo những cán bộ quản lý có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, có trình độ kiến thức chuyên sâu và hiện đại về lĩnh vực quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành Thủy sản và Nuôi trồng thủy sản.

- Trang bị cho học viên kiến thức chuyên môn vững vàng, có năng lực thực hành và khả năng thích ứng cao trước sự thay đổi của hệ sinh thái biển do tác động của biến đổi khí hậu, có khả năng phân tích các chính sách quản lý và giải quyết những vấn đề thuộc hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu.

2.2. Chuẩn đầu ra:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, học viên có khả năng:

1) Độc lập nghiên cứu, ứng dụng kiến thức mới vào thực tế hoạt động quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu.

2) Phân tích, tổng hợp, nhận xét độc lập về các vấn đề kinh tế nói chung và

quản lý hệ sinh thái biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu nói riêng.

3) Nhận dạng được cấu trúc và phân tích xu hướng phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực sinh thái biển và biến đổi khí hậu.

4) Phân tích các chính sách kinh tế, các dự án kinh tế trong quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu.

5) Nắm vững và có khả năng nghiên cứu khoa học và giảng dạy đại học.

6) Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin phục vụ chuyên môn.

2.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Có khả năng làm việc tốt tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, sản xuất và quản lý có liên quan đến ngành Quản lý hệ sinh thái biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu, hoặc có thể tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

3. Đối tượng đào tạo:

Những người đang làm việc trong biên chế hoặc hợp đồng dài hạn tại các cơ quan nhà nước, trường đại học, viện nghiên cứu, cơ quan hành chính sự nghiệp; các sinh viên đã tốt nghiệp đại học.

4. Nội dung chương trình:

4.1. Cấu trúc chương trình:

TT	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức chung	2	7
2.	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	10	45
	- Bắt buộc	8	35
	- Tự chọn	2	10
3.	Luận văn thạc sĩ	-	15
	Tổng	-	67

4.2. Danh mục học phần:

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức chung		7	
POS501	Triết học <i>Philosophy</i>	4(4-0)	

VIE513	Giới thiệu văn hóa Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese culture</i>	4(4-0)	
GS501	Phương pháp luận nghiên cứu <i>Research Methodology</i>	3(3-0)	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		45	
2.1. Các học phần bắt buộc		35	
ECM502	Kinh tế vi mô và toán <i>Microeconomics and Mathematics</i>	5(5-0)	
MEM504	Kinh tế và quản lý nguồn lợi biển <i>Marine Resource Economics and Management</i>	5(5-0)	
MBE505	Hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển <i>Marine Biodiversity and Ecology</i>	5(5-0)	
CHW506	Đất ngập nước và môi trường sống dưới nước vùng bờ <i>Coastal Habitats and Wetlands</i>	3(3-0)	
MGP507	Quản lý biển và quy hoạch không gian biển <i>Marine Governance and Spatial Planning</i>	5(5-0)	
RMC508	Quản lý tổn thương và rủi ro trong bối cảnh biến đổi khí hậu <i>Risk and Vulnerability Management with Climate Change</i>	5(5-0)	
AQF509	Khai thác và nuôi trồng thủy sản <i>Aquaculture and Fisheries</i>	5(5-0)	
RES516	Chuyên đề nghiên cứu Research seminar	2(2-0)	
2.2. Các học phần tự chọn		10	
CNR510	Xung đột sử dụng nguồn lợi tự nhiên <i>Conflicts in Natural Resource Use</i>	5(5-0)	
SDC511	Phát triển nuôi trồng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu <i>Sustainable Aquaculture Development and Climate Change</i>	5(5-0)	

AEM514	Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản <i>Aquaculture Economics and Management</i>	5(5-0)	
CME515	Kinh tế và quản lý vùng bờ <i>Coastal Zone Management and Economics</i>	5(5-0)	
ENE503	Kinh tế môi trường <i>Environmental Economics</i>	5(5-0)	
3. Luận văn		15	
ACE600	Luận văn thạc sĩ	15	GS501
Tổng cộng:		67	

4.3. Mô tả các học phần:

- POS502** **Triết học** **4(4-0)**
- Khái luận về triết học, bản thể luận, phép biện chứng, nhận thức luận, học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, triết học chính trị, ý thức xã hội, và triết học về con người.
- VIE513** **Giới thiệu văn hóa Việt Nam** **4(4-0)**
- Học phần này giúp sinh viên nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, lịch sử và những phong tục tập quán phong phú xưa và nay của người Việt Nam ở từng vùng miền. Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức và công cụ để khám phá, phân tích thấu hiểu văn hóa, xã hội Việt Nam xưa và nay. Các chủ đề chính bao gồm: người Việt và tiếng Việt, lịch sử và lập pháp, tư tưởng và tôn giáo, hệ thống giáo dục, các dân tộc Việt Nam....
- GS501** **Phương pháp luận nghiên cứu** **3(3-0)**
- Học phần cung cấp kiến thức về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, từ việc lựa chọn và đặt tên đề tài, lập kế hoạch nghiên cứu, phân tích và đánh giá kết quả nghiên cứu, quy hoạch thực nghiệm, tổ chức thực hiện cho đến cách viết, trình bày luận văn khoa học.
- ECM502** **Kinh tế vi mô và toán** **5(5-0)**
- Là học phần cơ sở đối với ngành Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức về: (i) Các khái niệm và công cụ trong phân tích kinh tế vi mô; (ii) Các mô hình ra quyết định của các tác nhân trong nền kinh tế thị trường như người tiêu dùng, nhà sản xuất và sự điều tiết của Nhà nước; (iii) Ngoại tác và sự can thiệp của chính phủ để khắc phục thất bại của thị trường, (iv) Ứng dụng lý thuyết trò chơi vào chiến lược cạnh tranh.
- ENE503** **Kinh tế môi trường** **5(5-0)**
- Học phần cung cấp cho người học các chủ đề liên quan đến việc ứng dụng kinh tế phúc lợi đến trong các vấn đề liên quan đến tài nguyên thiên

nhiên và môi trường. Các chủ đề về phát triển bền vững, thất bại thị trường, ô nhiễm môi trường và định giá môi trường sẽ được nghiên cứu trong học phần này.

MEM504 Kinh tế và quản lý nguồn lợi biển 5(5-0)

Học phần cung cấp cho người học sự hiểu biết về quản lý nguồn lợi biển từ góc độ kinh tế. Với các chủ đề về thủy sản và những ngành có liên quan đến biển như nuôi trồng thủy sản và du lịch. Đồng thời cung cấp cho học viên những kiến thức về mô hình kinh tế sinh học và áp dụng vào thực tiễn. Học phần cũng bao gồm xác định các giá trị môi trường biển và vấn đề biến đổi khí hậu liên quan đến môi trường biển.

MBE505 Hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển 5(5-0)

Học phần cung cấp cho người học sự hiểu biết cơ bản về hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển, chú trọng vào khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới (ví dụ như sự tương tác giữa sinh vật và động vật biển), các hệ sinh vật và môi trường sống. Các hệ sinh vật sẽ được mô tả qua sự thích nghi môi trường sống của chúng, ví dụ như vùng địa lý khác nhau.

CHW506 Đất ngập nước và môi trường sống dưới nước vùng bờ 3(3-0)

Học phần này cung cấp cho học viên những kiến thức chung về đất ngập nước và môi trường sống dưới nước vùng bờ: hệ sinh thái, tác động của môi trường và con người đối với vấn đề này. Học phần bao gồm các bài giảng và thực địa đến các vùng đất ngập nước, vì thế học viên sẽ nắm bắt được các kỹ năng cơ bản về sinh học, hệ sinh thái và khả năng của chúng, các mẫu thu thập được sẽ được phân tích tại phòng thí nghiệm và sẽ được báo cáo thuyết trình.

MGP507 Quản lý biển và quy hoạch không gian biển 5(5-0)

Học phần này cung cấp cho học viên sự hiểu biết về việc điều chỉnh nguồn tài nguyên biển và các vùng ven biển. Học phần cũng cung cấp một cái nhìn tổng quan các quan điểm lý thuyết khác nhau về quản lý và phát triển tài nguyên biển với các hình thức khác nhau. Đồng thời tiếp cận với các vấn đề liên quan đến hệ sinh thái và biến đổi khí hậu và việc quản lý biển. Quản lý biển không chỉ là quản lý về tài nguyên sinh vật mà còn quản lý về không gian, đáy biển, song song với việc mở rộng và tiếp cận mục tiêu theo một khuôn khổ nhất định.

RMC508 Quản lý tổn thương và rủi ro trong bối cảnh biến đổi khí hậu 5(5-0)

Học phần cung cấp cho người học sự hiểu biết về biến đổi khí hậu và ảnh hưởng kinh tế xã hội. Đặc biệt người học sẽ được nghiên cứu về việc quản lý rủi ro (liệt kê các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu) và đánh giá rủi ro với các tài nguyên ven biển và nguồn thủy sản. Đồng thời thảo luận các vấn đề biện pháp khắc phục và thích nghi với biến đổi khí hậu.

AQF509 Khai thác và nuôi trồng thủy sản 5(5-0)

Học phần này cung cấp cho người học một cái nhìn tổng quan về kiến thức khoa học của biến đổi khí hậu tác động trực tiếp và gián tiếp đối với

nghề cá và nuôi trồng thủy sản và sử dụng các kiến thức liên quan để ứng phó, thích ứng và giảm thiểu các hậu quả nghiêm trọng gây ra bởi biến đổi khí hậu lên nghề cá và nuôi trồng thủy sản.

CNR510 Xung đột sử dụng nguồn lợi tự nhiên 5(5-0)

Học phần này cung cấp cho người học một cái nhìn tổng quan về các xung đột khác nhau giữa các bên sử dụng/ quản lý tài nguyên thiên nhiên. Nó bắt đầu bằng phúc lợi xã hội và các xung đột của con người bao gồm: dân số phát triển, đa luật, nghèo đói và các vấn đề đa phương. Bên cạnh đó, học phần này sẽ giúp học viên biết cách giải quyết các xung đột giữa các mục tiêu phát triển con người và phát triển hệ sinh thái.

SDC511 Phát triển nuôi trồng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu 5(5-0)

Học phần này sẽ giúp cho học viên hiểu biết hơn về lý thuyết và thực tiễn đối với tác động ngày càng tăng của phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững về tăng trưởng sản xuất và quản lý môi trường. Điều tất yếu là việc tiếp cận đa ngành và tranh luận làm sáng tỏ việc nuôi trồng thủy sản ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm, giảm nghèo, đời sống nông thôn dễ rủi ro về kinh tế trong việc biến đổi khí hậu. Cải thiện đa dạng sinh học là điều kiện tiên quyết cho việc thảo luận phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững. Đồng thời học viên sẽ được hiểu rõ hơn về sự tương tác giữa phát triển nuôi trồng thủy sản và phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và quản lý tài nguyên. Phân tích và đánh giá một cách toàn diện về phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững bao gồm: quản lý sử dụng đất đai, quản lý nuôi trồng thủy sản và quản lý rủi ro sẽ được giải quyết.

AEM514 Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản 5(5-0)

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề được lựa chọn liên quan đến quản lý kinh tế và nuôi trồng thủy sản: nhu cầu sản xuất, giá cả nuôi trồng thủy sản... Đồng thời cung cấp cho người học các khái niệm cơ bản của kinh tế liên quan đến nuôi trồng thủy sản: quản lý tài chính, phân tích đầu tư và tiếp thị ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản.

CME515 Kinh tế và quản lý vùng bờ 5(5-0)

Học phần này tập trung nghiên cứu việc sử dụng và quản lý vùng bờ từ góc độ kinh tế. Vùng bờ được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như cho hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản, giải trí, du lịch và phát triển công nghiệp... Các hoạt động này tạo ra sự cạnh tranh và xung đột giữa các ngành điều này đòi hỏi có sự hợp tác và quản lý liên ngành một cách hiệu quả. Học phần này sẽ trang bị các kiến thức cho người học về các khía cạnh kinh tế và quản lý vùng bờ từ đó giúp người học có khả năng tư duy, phân tích và đánh giá đúng về tầm quan trọng của quản lý tổng hợp vùng bờ.

Ngoài việc theo học các giờ học lý thuyết, học viên sẽ phải làm bài luận cá nhân và các bài thuyết trình, thảo luận và làm việc nhóm. Các bài giảng sẽ cung cấp cho người học từ các khái niệm cơ bản tới các mô hình và các ứng dụng quan trọng.

RES516 **Trình bày đề án nghiên cứu** **2(2-0)**

Mục tiêu của môn học này là tư vấn, hướng dẫn cho học viên hoàn thiện đề cương luận văn thạc sĩ. Học viên trình bày đề cương và giảng viên sẽ góp ý.

ACE600 **Luận văn thạc sĩ** **15 tc**

Luận văn thạc sĩ là một vấn đề về khoa học, quản lý trong ngành Kinh tế Nông nghiệp, ngành Thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu, và các ngành liên quan, do học viên đề xuất hoặc nhà trường giao, được người hướng dẫn đồng ý và Hội đồng ngành chấp thuận. Nội dung của Luận văn được cấu trúc bao gồm từ việc lược khảo tài liệu trong và ngoài nước, mô tả đặc điểm đối tượng nghiên cứu, bối cảnh nghiên cứu, phát triển lý thuyết và ứng dụng vào thực tiễn, lựa chọn phương pháp phân tích thích hợp, trình bày kết quả, bàn luận và các đề xuất.

5. Tổ chức đào tạo; kiểm tra, đánh giá; và điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

6. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy:

TT	Học phần	Giảng viên phụ trách
1.	Triết học	TS. Thị Hiền Vinh Nguyễn Trọng Thóc
2.	Giới thiệu văn hóa Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Ngân
3.	Phương pháp luận nghiên cứu	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa TS. Lê Anh Tuấn
4.	Kinh tế vi mô và toán	TS. Lê Kim Long TS. Phạm Thị Thanh Thủy
5.	Kinh tế môi trường	TS. Quách Thị Khánh Ngọc
6.	Kinh tế và quản lý nguồn lợi biển	GS. Claire Armstrong
7.	Hệ sinh thái và đa dạng sinh học biển	GS. Audrey Geffen GS. Karin Pittman
8.	Đất ngập nước và môi trường sống dưới nước vùng bờ	TS. Pransiscu Baduge Terney Pradeep Kumara
9.	Quản lý biển và quy hoạch không gian biển	GS. Jahn Petter Johnsen
10.	Quản lý tổn thương và rủi ro trong bối cảnh biến đổi khí hậu	TS. Akhmad Fauzi
11.	Khai thác và nuôi trồng thủy sản	TS. Lê Minh Hoàng TS. Phạm Quốc Hùng
12.	Xung đột sử dụng nguồn lợi tự nhiên	GS. Oscar Amarasinghe

13.	Phát triển nuôi trồng bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu	GS. Curtis M. Jolly
14.	Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản	GS. Curtis M. Jolly PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh
15.	Kinh tế và quản lý vùng bờ	GS. Ola Flaaten TS. Quách Thị Khánh Ngọc
16.	Chuyên đề nghiên cứu	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa TS. Lê Anh Tuấn

7. Phụ trách các hướng nghiên cứu của đề tài luận văn:

TT	Hướng nghiên cứu	Giảng viên phụ trách
1.	Kinh tế và quản lý nghề cá	GS. Claire Amrstrong GS. Ola Flaaten PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Lê Kim Long TS. Phạm Thị Thanh Thủy TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Akhmad Fauzi
2.	Kinh tế và quản lý nuôi trồng thủy sản	GS. Curtis M. Jolly PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Lê Anh Tuấn TS. Phạm Quốc Hùng TS. Lê Minh Hoàng
3.	Kinh tế và quản lý môi trường	PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Lê Kim Long TS. Phạm Thị Thanh Thủy TS. Akhmad Fauzi
4.	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đối với hệ sinh thái biển và chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu	GS. Claire Amrstrong GS. Curtis M. Jolly TS. Akhmad Fauzi PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Quách Thị Khánh Ngọc PGS. TS. Ngô Đăng Nghĩa GS. Jahn Petter Johnsen

5.	Đa dạng sinh học biển và vai trò đối với đời sống kinh tế cộng đồng người dân.	GS. Claire Amrstrong GS. Henrik Glenner TS. Phạm Thị Thanh Thủy GS. Jahn Petter Johnsen GS. Oscar Amarasinghe
6.	Đánh giá hiệu quả kinh tế các hoạt động quản lý liên quan đến hệ sinh thái biển	GS. Ola Flaaten TS. Lê Kim Long TS. Phạm Thị Thanh Thủy TS. Quách Thị Khánh Ngọc
7.	Hoạch định chính sách để quản lý hệ sinh thái biển	GS. Jahn Petter Johnsen GS. Oscar Amarasinghe TS. Pransiscu Baduge Terney Pradeep Kumara PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh
8.	Kinh tế và quản lý hệ sinh thái các khu bảo tồn biển	GS. Claire Amrstrong GS. Ola Flaaten PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Phạm Thị Thanh Thủy